

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỈNH HÀ TĨNH DỰA TRÊN BỘ CHỈ TIÊU GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỊA PHƯƠNG

Võ Thị Phương Nhung¹, Phạm Thị Trà My²

^{1,2}Trường Đại học Lâm Nghiệp

TÓM TẮT

Trong bài báo này, tác giả sử dụng bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững cấp địa phương ban hành năm 2013 đang áp dụng tại Việt Nam làm cơ sở đánh giá mức độ phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh. Nghiên cứu tổng hợp được 18 trên 24 chỉ tiêu chung đánh giá phát triển bền vững tại tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016. Từ đó tính toán các chỉ số đơn, chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp phản ánh mức độ phát triển bền vững. Kết quả đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016 cho thấy: phát triển tổng hợp ở mức độ tương đối bền vững, có xu hướng biến động tốt; phát triển bền vững trên các trụ cột chính (kinh tế, xã hội, môi trường) không cân đối. Lĩnh vực môi trường và xã hội có xu hướng giảm nhẹ mức độ bền vững; mất cân bằng giữa các chỉ số đơn. Nhìn chung, phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh có chiều hướng biến động tích cực, nhưng không ổn định và thiếu cân đối giữa các mục tiêu bền vững.

Từ khóa: Bộ chỉ tiêu đánh giá, phát triển bền vững, chỉ số đơn, chỉ số thành phần, chỉ số tổng hợp.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau (WCED, 1987). FAO (1989) cũng chỉ ra rằng phát triển bền vững mang tính giai đoạn lịch sử và có tính linh hoạt. Do tính trừu tượng và tính linh hoạt của quan điểm phát triển bền vững, việc đánh giá, xác định mức độ phát triển bền vững là thực sự cần thiết. UNCSO (2007) đưa ra bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững với 50 chỉ tiêu chính trong tổng số 96 chỉ tiêu phát triển bền vững. Việt Nam xây dựng 2 bộ chỉ tiêu phục vụ cho việc giám sát, đánh giá phát triển bền vững cấp quốc gia và cấp địa phương. Bộ chỉ tiêu cấp quốc gia (2013) bao gồm 30 chỉ tiêu, được chia thành 4 nhóm gồm: chỉ tiêu tổng hợp, chỉ tiêu kinh tế, chỉ tiêu xã hội và chỉ tiêu về tài nguyên môi trường. Bộ chỉ tiêu cấp địa phương ban hành năm 2013 bao gồm 28 chỉ tiêu chung và 15 chỉ tiêu đặc thù của vùng. Các bộ chỉ tiêu kể trên đều có đặc điểm số lượng chỉ tiêu khá lớn, phản ánh ý nghĩa ở nhiều khía cạnh bền vững và phương pháp tính toán, đơn vị tính khác nhau gây khó khăn cho việc đánh giá tổng hợp mức độ bền vững trong phát triển.

Tỉnh Hà Tĩnh là một trong những tỉnh trọng yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng

Bắc Trung Bộ. Phát triển bền vững được đưa vào chủ trương, chính sách phát triển của tỉnh Hà Tĩnh thông qua các chiến lược phát triển dài hạn của Tỉnh. Cần đánh giá, nhận thức chính xác và tổng quan về mức độ bền vững, điểm mạnh, điểm yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, từ đó có các chiến lược phát triển đúng đắn.

Trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững cấp địa phương làm cơ sở thu thập dữ liệu về phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016. Vận dụng phương pháp chuẩn hóa dữ liệu và tính chỉ số tổng hợp làm rõ mức độ phát triển bền vững thành phần và bền vững chung của tỉnh Hà Tĩnh.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Dựa trên bộ chỉ tiêu giám sát đã được xây dựng sẵn để đánh giá phát triển bền vững là một trong những cách tiếp cận hiệu quả để đánh giá mức độ phát triển bền vững. Hiện nay, Việt Nam áp dụng hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững cấp địa phương theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Bộ chỉ tiêu này bao gồm 28 chỉ tiêu chung (trong đó có 24 chỉ tiêu chung và 4 chỉ tiêu khuyến khích sử dụng) và 15 chỉ tiêu đặc thù vùng.

Nghiên cứu thu thập số liệu thứ cấp từ các báo cáo, số liệu thống kê của cơ quan thống kê cấp tỉnh (Niên giám thống kê) và một số đơn vị có liên quan (Văn phòng điều phối nông thôn mới, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở NN&PTNT...).

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Từ bộ chỉ tiêu trên có thể đánh giá phát triển bền vững địa phương thông qua đánh giá từng chỉ tiêu riêng lẻ và đánh giá chỉ tiêu tổng hợp. Với bộ chỉ tiêu giám sát khá lớn, mỗi chỉ tiêu phản ánh những ý nghĩa, chiều hướng biến động khác nhau, vấn đề đặt ra cần chuẩn hóa dữ liệu chỉ tiêu riêng lẻ và tính toán chỉ tiêu tổng hợp. Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu lựa chọn phương pháp chuẩn hóa Min - Max để chuẩn hóa dữ liệu chỉ tiêu riêng lẻ và sử dụng phương pháp tính bình quân nhân giản đơn để tính toán chỉ tiêu tổng hợp.

2.2.1. Phương pháp chuẩn hóa chỉ tiêu riêng lẻ

Bộ chỉ thị đánh giá phát triển bền vững địa phương rất đa dạng và có tính dàn trải. Mỗi chỉ tiêu có cách tính toán, đơn vị tính và ý nghĩa phản ánh mức độ, chiều hướng bền vững khác nhau. Giá trị của các chỉ tiêu riêng lẻ cần được chuẩn hóa, hay nói cách khác là đưa về một miền giá trị nhất định. Nghiên cứu lựa chọn phương pháp chuẩn hóa Min - Max để chuyển đổi bộ dữ liệu về miền giá trị [0 - 1]. Tuy nhiên, bộ chỉ tiêu có những chỉ tiêu mà độ lớn của chúng có ý nghĩa đối ngược nhau về mức độ phát triển bền vững (Tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ che phủ rừng...).

Nghiên cứu lựa chọn đề xuất của Phạm Đại Đồng (2011) về công thức chuẩn hóa Min - Max biến đổi nhằm vận dụng linh hoạt cho đặc điểm của các chỉ tiêu đánh giá, gồm chỉ tiêu thuận (1) và chỉ tiêu nghịch (2):

$$i = \frac{\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị tối thiểu}}{\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu}} \quad (1)$$

$$i = 1 - \frac{\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị tối thiểu}}{\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu}} \quad (2)$$

Hai công thức này giúp chuyển đổi giá trị các chỉ tiêu có chiều hướng biến động khác nhau về cùng một miền giá trị [0 - 1] và ý nghĩa biến động cũng theo cùng chiều hướng.

Giá trị của chỉ số sau chuẩn hóa càng lớn, càng tiến gần tới 1 thì mức độ bền vững càng cao và ngược lại.

Ngoài các chỉ tiêu thuận và nghịch còn có các chỉ tiêu hướng tâm (tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh, tỷ lệ thất nghiệp...) là chỉ tiêu có giá trị càng gần một giá trị trung tâm nào đó, quá trình phát triển sẽ càng bền vững (Nguyễn Minh Thu, 2013). Để có cùng xu hướng về mặt ý nghĩa và tránh giá trị âm khi tính chênh lệch trong phương pháp chuẩn hóa Min - Max, công thức áp dụng cho chỉ tiêu hướng tâm thuận (3) và chỉ tiêu hướng tâm nghịch (4):

$$i = \frac{|\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị trung tâm}|}{|\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị trung tâm}|} \quad (3)$$

$$i = 1 - \frac{|\text{Giá trị thực tế} - \text{Giá trị trung tâm}|}{|\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị trung tâm}|} \quad (4)$$

Giá trị trung tâm được lựa chọn theo quan điểm của tác giả Nguyễn Minh Thu (2013). Các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu đánh giá được phân loại theo nhóm chỉ tiêu để thuận tiện cho tính toán, tổng hợp dựa trên các công thức (1), (2), (3), (4).

2.2.2. Phương pháp tính toán chỉ tiêu tổng hợp

Bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững địa phương phản ánh nhiều mặt khác nhau của phát triển nhằm hướng tới sự bền vững. Bên cạnh đó, mỗi chỉ tiêu phản ánh những mức độ bền vững khác nhau. Cần có cái nhìn tổng quan chung về phát triển bền vững và chi tiết ở cấp độ các trụ cột của phát triển bền vững, gồm: kinh tế, xã hội và môi trường. Do vậy, việc tính toán chỉ tiêu tổng hợp của từng khía cạnh và chỉ tiêu tổng hợp chung là cần thiết.

Bộ chỉ tiêu sau khi chuẩn hóa được bộ chỉ số có giá trị [0 - 1] và có cùng ý nghĩa trong phản ánh mức độ bền vững. Trong thống kê, sử dụng số bình quân để tính chỉ tiêu đại diện cho một tập hợp số liệu. Số bình quân gồm: số bình quân cộng và bình quân nhân. Nghiên cứu lựa chọn phương pháp tính toán theo số bình quân nhân, bởi khắc phục được sự bù trừ giá trị cho nhau theo tính toán bình quân cộng. Nghiên cứu lựa chọn bình quân nhân không trọng số, còn gọi là bình quân nhân giản đơn trên quan điểm mỗi chỉ số đánh giá phát triển bền vững

có mức độ quan trọng như nhau trong đánh giá tổng hợp.

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

Để đánh giá mức độ phát triển bền vững cấp địa phương, tác giả đưa ra một số nguyên tắc đánh giá như sau:

- Quy chuẩn đánh giá:

Đa số các chỉ thị được chuẩn hóa sử dụng giá trị ngưỡng chuẩn hóa từ quy hoạch của địa phương, các ngành và quốc gia trong một thời kỳ. Số liệu của nghiên cứu từ năm 2012 - 2016, để xác định giá trị Min, Max trong các công thức của chỉ tiêu đánh giá được lấy theo mục tiêu phát triển của tỉnh Hà Tĩnh và của ngành cụ thể trong giai đoạn này.

- Mức độ phát triển bền vững:

Nghiên cứu đề xuất áp dụng thang chia mức độ đánh giá phát triển bền vững của tác giả Nguyễn Minh Thu (2013), với 5 mức độ:

- 0,0 – 0,2: Phát triển rất kém bền vững;
- 0,2 – 0,4: Phát triển kém bền vững;
- 0,4 – 0,6: Phát triển tương đối bền vững;
- 0,6 – 0,8: Phát triển khá bền vững;
- 0,8 – 1,0: Phát triển rất bền vững.

0,6 – 0,8: Phát triển khá bền vững;

0,8 – 1,0: Phát triển rất bền vững.

Khung chia mức độ phát triển này sẽ là cơ sở đánh giá mức độ phát triển bền vững theo từng thành phần và mức độ phát triển bền vững chung của địa phương.

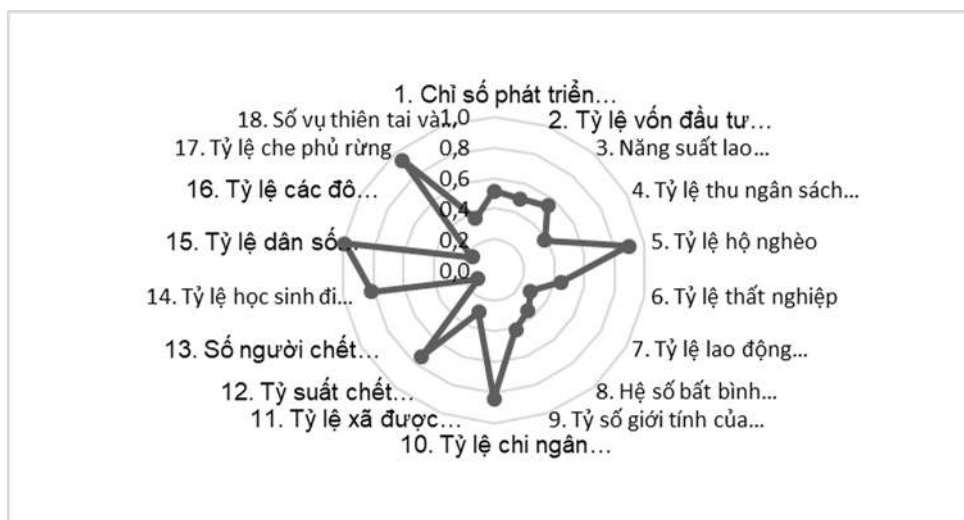
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Số liệu thống kê phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh

Số liệu thống kê phát triển bền vững thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, bên cạnh đó một số chỉ tiêu chưa được thống kê ở cấp địa phương dẫn đến thiếu hụt số liệu. Nghiên cứu tại tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016 thu thập, tính toán được 18 trên 24 chỉ tiêu chung của bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững cấp địa phương (Bảng 1).

3.2. Chỉ số đơn đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh

Từ bộ dữ liệu thu thập được, nghiên cứu tính toán các chỉ số nhằm đánh giá mức độ phát triển bền vững trên từng chỉ tiêu đơn lẻ, riêng biệt (Bảng 2).



Hình 1. Biểu đồ chỉ số đơn trung bình đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh

Số liệu sau chuẩn hóa về chỉ tiêu riêng lẻ đánh giá phát triển bền vững cho thấy sự mất cân đối về mức độ bền vững giữa các mục tiêu phát triển. Một số chỉ tiêu cho thấy phát triển ở mức độ khá và rất bền vững (Tỷ lệ hộ nghèo, Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đúng tuổi, Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, Tỷ lệ che phủ rừng ở mức trên dưới 0,8). Một số chỉ tiêu cho thấy mức độ phát triển ở mức độ kém và

hoi bền vững, như: Tỷ lệ các đô thị, khu kinh tế, khu CN, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; Số người chết do tai nạn giao thông; Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn dưới 0,4. Sự không cân đối giữa các chỉ tiêu gây ảnh hưởng tới kết quả tính toán chỉ số phát triển bền vững chung.

Bảng 1. Số liệu đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 – 2016

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Nguồn số liệu
I	Chỉ tiêu tổng hợp						
1	Chỉ số phát triển con người (HDI) (Lần)	0,484	0,486	0,526	0,526	0,545	Tính toán của tác giả
II	Kinh tế						
1	Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn (Vốn đầu tư/GDP) (Lần)	1,26	1,50	1,93	1,66	0,94	Tính toán của tác giả
2	Năng suất lao động xã hội (GDP/Số LĐ bình quân) Triệu đồng/LĐ	38,92	48,89	62,16	73,24	65,21	Tính toán của tác giả
3	Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn (Lần)	0,45	0,47	0,71	0,63	0,50	Tính toán của tác giả
III	Xã hội						
1	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	14,20	10,75	7,42	11,40	10,46	Niên giám thống kê
2	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	1,34	1,44	1,68	2,30	2,71	Niên giám thống kê
3	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo (%)	17,80	19,00	20,4	18,4	21,3	Niên giám thống kê
4	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Lần)	0,345	0,345	0,346	0,346	0,343	
5	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh (Trai/100 gái)	112,1	112,3	105,5	112,2	115,2	Niên giám thống kê
6	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho hoạt động văn hóa thể thao (%)	0,32	0,45	0,40	0,44	0,49	Niên giám thống kê
7	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới (%)	0,87	3,04	11,30	22,61	36,09	Văn phòng ĐPNTM
8	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi (%)	26,30	27,10	26,20	25,80	25,3	Niên giám thống kê
9	Số người chết do tai nạn giao thông (Người/100.000 dân bình quân)	142	141	160	147	157	Niên giám thống kê
10	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đúng tuổi (%)	69,23	71,15	68,12	98,75	98,41	Niên giám thống kê
IV	Môi trường						
1	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch (%)	98,36	98,61	99,48	99,54	99,55	Niên giám thống kê
2	Tỷ lệ các đô thị, khu kinh tế, khu CN, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	10,26	10,26	12,82	17,95	30,77	Sở Tài nguyên MT
3	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	49,31	54,54	52,48	52,34	52,34	Niên giám thống kê
4	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại (Thống kê theo số tiền thiệt hại) (tỷ đồng)	500	1100	460	600	900	Niên giám thống kê

Bảng 2. Chỉ số đơn đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016 sau chuẩn hóa

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Trung bình
I	Chỉ tiêu tổng hợp - Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,484	0,486	0,526	0,526	0,545	0,513
II	Kinh tế						
1	Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	0,674	0,455	0,064	0,313	0,967	0.495
2	Năng suất lao động xã hội	0,026	0,303	0,671	0,979	0,756	0.547
3	Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn	0,125	0,185	0,763	0,576	0,259	0.382
III	Xã hội						
1	Tỷ lệ hộ nghèo	0,858	0,893	0,926	0,886	0,895	0.892
2	Tỷ lệ thất nghiệp	0,170	0,220	0,340	0,650	0,855	0.447
3	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	0,254	0,271	0,291	0,263	0,304	0.277
4	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập	0,345	0,345	0,346	0,346	0,343	0.345
5	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	0,355	0,336	0,955	0,345	0,073	0.413
6	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho hoạt động văn hóa thể thao	0,640	0,900	0,800	0,880	0,980	0.840
7	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	0,017	0,061	0,226	0,452	0,722	0.296
8	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	0,737	0,729	0,738	0,742	0,747	0.739
9	Số người chết do tai nạn giao thông	0,165	0,171	0,059	0,135	0,076	0.121
10	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đúng tuổi	0,692	0,712	0,681	0,988	0,984	0.811
IV	Môi trường						
1	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	0,984	0,986	0,995	0,995	0,996	0.991
2	Tỷ lệ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp... đạt tiêu chuẩn môi trường	0,103	0,103	0,128	0,179	0,308	0.164
3	Tỷ lệ che phủ rừng	0,880	0,974	0,937	0,935	0,935	0.932
4	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	0,550	0,009	0,586	0,459	0,189	0.359

Nguồn: tính toán của tác giả

3.3. Chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh

Trong đánh giá phát triển bền vững cấp địa phương, bộ chỉ tiêu được chia theo các lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Bên cạnh, chỉ tiêu chỉ số phát triển con người (HDI) là chỉ tiêu đã phản ánh về phát triển con người đa chiều, tổng hợp từ khía cạnh: sức khỏe, thu nhập và giáo dục. Do vậy, chỉ tiêu HDI được tách riêng một nhóm là chỉ tiêu tổng hợp, ngoài 3 lĩnh vực kể trên nhằm đánh giá được mức độ phát triển bền vững trên từng lĩnh vực

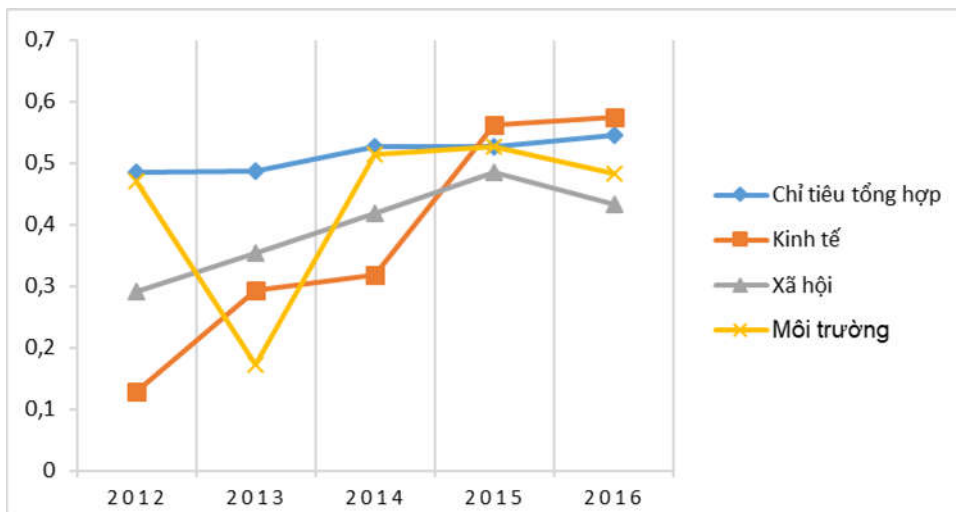
và tổng hợp, nghiên cứu tính toán và đánh giá các chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp.

Chỉ số phát triển con người (HDI) ổn định và có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2012 - 2016. Chỉ số phát triển thành phần kinh tế và xã hội có xu hướng tăng, chỉ số phát triển môi trường biến động không ổn định. Điều này cho thấy sự thiếu cân bằng, mức độ phát triển bền vững không đồng đều giữa các chỉ số thành phần. Các chỉ số thành phần đều ở mức kém và tương đối bền vững.

Bảng 3. Chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 – 2016

STT		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Chỉ số thành phần					
1	Chỉ tiêu tổng hợp	0,484	0,486	0,526	0,526	0,545
2	Kinh tế	0,129	0,294	0,319	0,561	0,575
3	Xã hội	0,290	0,353	0,418	0,485	0,433
4	Môi trường	0,470	0,173	0,514	0,526	0,482
II	Chỉ số tổng hợp	0,304	0,306	0,436	0,524	0,506

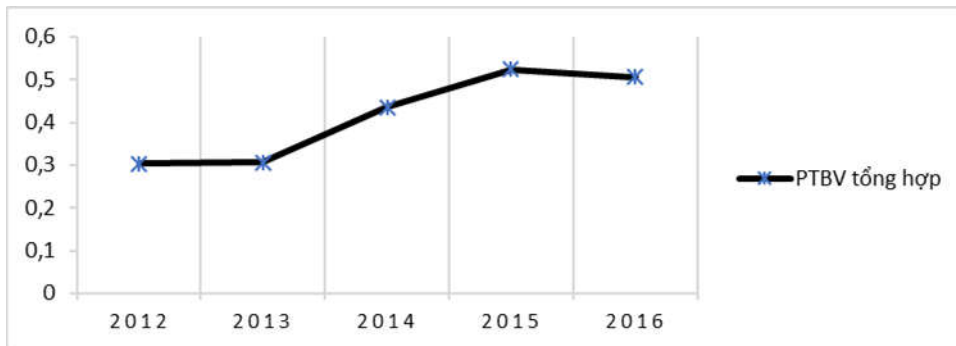
Nguồn: Tổng hợp của tác giả



Hình 2. Chỉ số thành phần phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016

Chỉ số tổng hợp phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh nằm trong khoảng 0,3 đến 0,6, đây là mức độ phát triển bền vững trung bình, xuất phát đầu giai đoạn ở mức thấp, nhưng cuối giai đoạn đã có sự chuyển biến tích cực hơn. Tuy nhiên, mức độ phát triển bền vững của tỉnh Hà Tĩnh năm 2016 có xu hướng đi xuống. Đây là

hệ lụy từ sự cố môi trường Fomosa ở huyện Kỳ Anh dẫn tới một số chỉ số đơn và chỉ số thành phần giảm, đặc biệt là lĩnh vực môi trường và xã hội, dẫn tới chỉ số phát triển bền vững tổng hợp bị kéo xuống. Biến động này cho thấy sự phát triển bền vững chung của tỉnh Hà Tĩnh chưa ổn định.



Hình 3. Chỉ số tổng hợp phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016

Bên cạnh đó, đánh giá phát triển bền vững thiếu hụt dữ liệu 6 chỉ tiêu đánh giá (trong 24 chỉ tiêu chung cơ bản), đặc biệt là lĩnh vực kinh tế và môi trường. Từ sự thiếu hụt dữ liệu này, dẫn đến việc đánh giá mức độ phát triển phần nào ảnh hưởng tới tính toàn diện của bộ chỉ tiêu đơn và tính đại diện của các chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá phát triển bền vững tổng hợp của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2016 ở mức tương đối bền vững và xu hướng biến động không ổn định. Có 12 trong tổng số 18 chỉ số đơn phản ánh phát triển bền vững dưới mức độ tương đối bền vững. Mức độ phát triển bền vững của tỉnh Hà Tĩnh nhìn chung thiếu sự cân đối giữa các thành phần kinh tế, xã hội, môi trường và giữa các mục tiêu bền vững đơn lẻ. Lĩnh vực kinh tế có xu hướng tăng mức độ phát triển bền vững tốt. Lĩnh vực môi trường và xã hội có xu hướng tăng mức độ bền vững so với đầu giai đoạn, tuy nhiên có xu hướng tăng không ổn định. Sự thiếu cân bằng giữa các chỉ số đơn thể hiện qua việc một số chỉ tiêu (số người chết do tai nạn giao thông, Số lao động đang làm việc đã qua đào tạo) ở mức kém phát triển, một số chỉ tiêu ở mức phát triển rất bền vững (tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi). Thực tế đánh giá phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn giúp các nhà hoạch định chính sách quan tâm hơn các khía cạnh kém bền vững nhằm xây dựng được chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh (2016). *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh*.
2. Phạm Đại Đồng (2011). Xây dựng chỉ số tổng hợp đánh giá chất lượng dân số. *Tạp chí Dân số và phát triển*, số 2(119), trang 19-20.
3. Dự án Phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh (2016). *Biểu hiện và giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp ở Hà Tĩnh*.
4. Hoàng Tích Giang (2011). Công thức mới tính chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2010. *Tạp chí Dân số và Phát triển*, số 2(119), trang 21.
5. Lê Thế Giới và cộng sự (2010). Xây dựng khung phân tích đa chiều và hệ thống chỉ số đánh giá phát triển bền vững của ngành thủy sản - trường hợp ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, Số 5(40), trang 86-93.
6. OECD (2008). *Handbook on Constructing Composite Indicators: Methodology and user guide*. European Commission.
7. Thủ Tướng Chính Phủ (2013). *Quyết định số 2157/QĐ-TTg Quyết định ban hành bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013 - 2020*.
8. Thủ Tướng Chính Phủ (2012). *Quyết định số 1786/QĐ-TTg Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050*.
9. Nguyễn Minh Thu (2013). *Nghiên cứu thống kê đánh giá phát triển bền vững ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
10. Ngô Đăng Trí (2016). Đánh giá mức độ phát triển bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2008 - 2012 dựa trên bộ chỉ thị. *Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc Gia Hà Nội*, Tập 32-số 1S, trang 407-412.
11. United Nations Commission on Sustainable Development - UNCSD(2007). *Indicators of Sustainable Development: Guidelines and Methodologies*.
12. WCED (1987). *Our Common Future*.

ASSESSMENT OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT AT LOCAL LEVEL IN HA TINH PROVINCE BASED ON SET OF CRITERIA & INDICATORS FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT

Vo Thi Phuong Nhung¹, Pham Thi Tra My²
^{1,2}Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

In this paper, the author used a set of monitor and review indicators for local sustainable development which is being applied in Vietnam (2013) as a basis for assessing the level of sustainable development in Ha Tinh province. The study synthesized 18 of 24 indicators for assessing sustainable development in Ha Tinh province in the period 2012 - 2016. Based on that, single indices, indices of the each field and aggregate indices, which reflect the level of sustainable development, were calculated. Assessments of sustainable development in Ha Tinh province in the period 2012 - 2016 showed that the aggregate development is relatively sustainable, has a positive fluctuation trend; sustainable development on main fields (Economy, social and environment) is uneven and the fluctuation trend is not stable. Social and environmental development tend to reduce the level of sustainability. There is an imbalance between single indicators. In general, sustainable development in Ha Tinh province has a positive tendency, however unstable and unbalanced between sustainable objectives.

Keywords: Aggregate indices, criteria and indicators, indices of the each field, single indices, sustainable development.

Ngày nhận bài : 19/4/2018
Ngày phản biện : 25/5/2018
Ngày quyết định đăng : 04/6/2018